TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/QĐST-HNGĐ	*Bắc Ninh, ngày 22 tháng 01 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Đỗ Thanh Ngọc

- Thư ký phiên họp: Bà Hạp Thị Thu Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 170/TLST – VDS ngày 28/12/2020 về việc "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐ-MPH ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Địa chỉ: Khu Sơn, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Do ông Nguyễn Đăng T – Chủ tịch UBND phường H – đại diện theo pháp luật; Đại diện theo ủy quyền tham gia phiên họp: Ông Vũ Xuân C – Cán bộ tư pháp, hộ tịch (Có mặt);

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu Tiên Xá, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

- Chị Trần Thị Lan A, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu Sơn, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

- Chị Diêm Thị N, sinh năm 1998; Địa chỉ: xóm Yên Viên, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người đại diện hợp pháp của người yêu cầu trình bày: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1993; HKTT: Khu Tiên Xá, phường H, thành phố B và chị Diêm Thị N, sinh năm 1998; HKTT: Xóm Yên Viên, xã Vân Hà, huyện V, tỉnh Bắc Giang có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 18/02/2019 anh Hoàng tiếp tục đăng ký kết hôn với chị Trần Thị Lan A, sinh năm 1994; HKTT: Khu Sơn, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh nhưng chưa ly hôn với chị Ngọc là vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Nay Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng và chị Lan Anh.

* Tại đơn trình bày và tại phiên họp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh và chị Diêm Thị N, sinh năm 1998; HKTT: Xóm Yên Viên, xã Vân Hà, huyện V, tỉnh Bắc Giang có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống anh và chị N có mâu thuẫn, chị N có đưa cho anh đơn xin ly hôn và bảo anh ký vào đơn xin ly hôn. Anh đã ký vào đơn xin ly hôn này. Sau đó, anh và chị N không còn liên hệ gì nữa nên anh nghĩ anh và chị N đã ly hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó, anh và chị Trần Thị Lan A tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 18/02/2019 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Nay, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Lan A thì anh đồng ý. Hiện chị Lan A đang mang thai 07 tháng. Về tài sản, công nợ chung: Không có.

* Tại đơn trình bày và tại phiên họp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Lan A trình bày: Chị và anh H có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2019 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Khi kết hôn chị không được biết việc anh H đã từng kết hôn do trong sổ hộ khẩu nhà anh H không có tên chị Ngọc. Khi chị và anh H đi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì Ủy ban nhân dân phường H cùng không kiểm tra việc anh H đã kết hôn hay chưa. Nay, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh H thì chị đồng ý. Hiện tôi đang mang thai 07 tháng. Về tài sản, công nợ chung: Không có.

* Tại đơn trình bày và tại phiên họp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Diêm Thị N trình bày: Chị và anh H có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị đề nghị ly hôn anh H, anh H đã ký vào đơn xin ly hôn của chị. Tuy nhiên, khi chị đi làm thủ tục ly hôn thì tôi có đề nghị phía gia đình anh Hoàng không cho chị bản phô tô sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của anh Hoàng nên chị không làm thủ tục ly hôn anh Hoàng đến Tòa án nữa. Nay, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Hoàng và chị Lan A thì chị đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên họp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và tại phiên họp tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Về nội dung: Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh có yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ nên yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Lan A. Anh Hoàng và chị Lan A đều trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh thụ lý yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường H là phù hợp với Điều 29, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp giữa anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Lan A.

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 16/8/2016 và giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 18/02/2019 do đương sự cung cấp, tài liệu liên quan lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường H và lời khai của các đương sự đều xác nhận: Anh Nguyễn Đức H và chị Diêm Thị N kết hôn theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng chưa ly hôn lại kết hôn với chị Trần Thị Lan A là thuộc trường hợp

cấm kết hôn quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình. Ủy ban nhân dân phường H cũng xác nhận do sơ suất không kiểm tra kỹ sổ sách, hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân phường nên đã có việc đăng ký kết hôn nêu trên. Từ phân tích trên thì Ủy ban nhân dân phường H thực hiện đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Lan A là vi phạm chế độ hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 5, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung, tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Lan A xác nhận chị Lan Anh đang mang thai 07 tháng, không có tài sản, công nợ chung nên Tòa án không phải xem xét.

[3]. Về lệ phí việc dân sự: Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 8, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 29, 35, 149, 361, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 12, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Lan A.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ủy ban nhân dân phường H, anh H, chị Lan A, chị N có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- UBND phường H, thành phố B;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ, VP.

Đỗ Thanh Ngọc